

NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM ÁP DỤNG BẢN TIN VOA SPECIAL ENGLISH TRONG DẠY KĨ NĂNG NÓI THEO THUYẾT HÀNH VI

A CASE STUDY OF TEACHING SPEAKING THROUGH VOA SPECIAL ENGLISH
IN LIGHT OF BEHAVIOURISM THEORY

VÕ DUY ĐỨC

(TS; Trường Đại học Quy Nhơn)

Abstract: The paper examines how VOA Special English program helps first - year English majors at Quy Nhon University improve their speaking skills and investigates their attitude towards the use of this program in speaking classes. The study draws on the theories of behaviorism and text-based language teaching with the deployment of qualitative and quantitative methods for the data analysis. The findings show that the participants benefited from VOA SE; however, some considerations should be taken into account if this program is added to the speaking syllabus.

Key words: VOA Special English; behaviorism; speaking skills; attitude.

1. Dẫn nhập

Chương trình tiếng Anh đặc biệt của Đài tiếng nói Hoa Kỳ (VOA special English -VOA SE) đã được sử dụng như một công cụ thiết thực trong việc dạy và học ngoại ngữ ở nhiều quốc gia trên thế giới, với số lượng người sử dụng nhiều nhất ở châu Á, châu Phi và các nước Trung Đông (Underwood, 2000). Theo Dickey (1998), VOA SE được xem như là nguồn tài liệu phục vụ việc dạy kĩ năng nghe thân thiện nhất đối với giáo viên ở châu Á. Tính phổ biến của chương trình VOA SE trong việc dạy và học ngoại ngữ có lẽ xuất phát từ tính đa dạng về nội dung, phong phú về từ vựng, được cập nhật, và là một chương trình hoàn toàn miễn phí.

Theo Wikipedia, lần đầu tiên phát sóng vào ngày 19 tháng 10 năm 1959, chương trình VOA SE đến nay vẫn được phát sóng hàng ngày bởi Đài Phát thanh và Tiếng nói Hoa Kỳ với nhiều loại bản tin khác nhau như giáo dục, y tế, môi trường, khoa học... Đây là chương trình dành cho đối tượng học viên có trình độ từ trung cấp trở lên. Số lượng từ vựng trong chương trình khoảng 1500 từ căn bản (core vocabulary); các bản tin được đọc chậm hơn so tốc độ bình thường là 1/3 lần.

Tuy nhiên, theo chúng tôi được biết chưa có công trình nghiên cứu thực nghiệm nào ở Việt Nam liên quan đến việc dùng VOA SE trong việc dạy - học tiếng Anh nói chung và việc phát

triển kĩ năng nói và cách phát âm của người học nói riêng.

Bài viết này tìm hiểu hiệu quả của việc dạy nói qua các bản tin của chương trình VOA SE và thái độ của người học đối với chương trình, dựa trên cơ sở lí thuyết của *Thuyết hành vi* và *Ngữ pháp chức năng hệ thống*.

2. Thuyết Hành vi, Ngữ pháp chức năng và đường hướng sử dụng văn bản trong giảng dạy ngoại ngữ

Cơ sở lí thuyết để thực hiện nghiên cứu này là thuyết Hành vi (Behaviorism) của nhà tâm lí học Skinner và thuyết Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic functional linguistics) của nhà ngôn ngữ học người Anh Halliday. Theo Skinner (1974), học một ngôn ngữ là một quá trình hình thành thói quen thông qua các phản xạ có điều kiện. Trên cơ sở lí thuyết này, phương pháp học ngoại ngữ có tên *Audiolingual method* (hay The Army method) đã ra đời. Richards & Rodgers (1987) cho biết đây là sản phẩm chung của 5 trường đại học Mỹ theo đơn đặt hàng của Chính quyền Mỹ nhằm đào tạo đội ngũ binh lính phục vụ Thế chiến thứ 2 có thể nói lưu loát các thứ tiếng như Đức, Pháp, Ý, Trung Quốc, Nhật, và các ngôn ngữ khác trong thời gian ngắn nhất. Celce-Murcia (1991) đã chỉ ra rằng, với phương pháp này, hoạt động học ngoại ngữ được thực hiện dưới hình thức lắng nghe và lặp lại thông qua các bài luyện tập (drills), trong đó yếu tố phát

âm của người học được chú trọng. Quá trình học ngôn ngữ theo Thuyết hành vi mà Skinner đưa ra

Stimulus (kích thích) → Response (phản hồi)
negative reinforcement)

Theo cấu trúc trên, Stimulus là ngôn ngữ mà người học nhận được. Sau khi nhận được ngôn ngữ, người học sẽ phản xạ đưa ra câu phản hồi (Response) và cuối cùng là nhận được nhận xét của giáo viên (Reinforcement) về câu phản hồi của người học. Nếu câu phản hồi này sai, giáo viên sẽ sửa cho đúng; nếu đúng thì người học sẽ nhận được sự tán dương từ giáo viên của mình. Cứ như thế, người học sẽ hình thành thói quen trong việc sử dụng ngôn ngữ. Từ kinh nghiệm bản thân, chúng tôi nhận thấy rằng, phương pháp học theo phản xạ có điều kiện (conditioning) như thế này được áp dụng phổ biến ở Việt Nam để luyện tập từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp, hội thoại, v.v. Tuy nhiên, sau khi ra đời, Thuyết hành vi nhận khá nhiều sự chỉ trích của các nhà ngôn ngữ học theo các trường phái khác, đặc biệt là Noam Chomsky, người sáng lập ra thuyết *Ngữ pháp tạo sinh* (Generative Grammar). Chomsky cho rằng ngôn ngữ không thể là một thói quen (habit) mà là một hệ thống ngữ pháp (a rule-based system). Theo ông, học ngôn ngữ không thể là một quá trình hình thành thói quen mà là một quá trình học những quy tắc ngữ pháp và nhờ có các quy tắc ngữ pháp này mà chúng ta có thể nói hoặc viết vô số câu mà trước đó chúng ta chưa hề biết đến.

Một cơ sở lý thuyết khác mà chúng tôi đã áp dụng để làm cơ sở lý luận cho công trình nghiên cứu này là thuyết *Ngữ pháp chức năng* và *thông* của Halliday và *Đường hướng sử dụng văn bản trong việc dạy ngoại ngữ*. Theo Halliday (1985, tr. 24), "*Ngôn ngữ là một nguồn tạo nghĩa và ngôn ngữ xuất hiện với hình thức các văn bản, gắn chặt với ngữ cảnh xã hội mà ở đó các văn bản này được sử dụng*". Fecz (2002), một học giả chuyên về ngôn ngữ học chức năng hệ thống, nhấn mạnh chúng ta học ngôn ngữ thông qua văn bản và đường hướng sử dụng văn bản để dạy và học tiếng Anh cho người nói các ngôn ngữ khác (TESOL) đã được áp dụng rộng rãi ở Úc và New Zealand hơn hai thập kỉ qua. Một trong những lí

trong cuốn sách có tiêu đề "*Verbal behaviour*" được mô tả như sau:

→ **Reinforcement (củng cố)** (gồm: *positive* và

do mà văn bản (text) được dùng phổ biến trong việc dạy ngoại ngữ là "*văn bản thực hiện chức năng như một phương tiện chuyển tải thông tin cho người học chứ không đơn thuần là một vật thể ngôn ngữ (linguistic object)*." (John & Davies, 1983, tr. 1). Theo quan điểm này, rõ ràng việc học ngôn ngữ dựa trên văn bản thú vị vì người học có cảm giác đang tiếp nhận thông tin hơn là cố gắng nhồi nhét những kiến thức ngôn ngữ đơn điệu, nhàm chán.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng mà chúng tôi nghiên cứu là sinh viên ngành tiếng Anh đang học kì 2 của năm thứ nhất tại trường Đại học Quy Nhơn. Tổng số 6 lớp (40 sinh viên/một lớp) tham gia và được chia ngẫu nhiên thành 2 nhóm nghiên cứu - nhóm *Thực nghiệm* (Experimental group) gồm 3 lớp có kí hiệu là A, B, C và nhóm *Đối chứng* (Control group) gồm 3 lớp còn lại có kí hiệu D, E, F. Thời gian nghiên cứu kéo dài trong một học kì (45 tiết). Chương trình dành chung cho 2 nhóm đối tượng là *Speaking 2* với giáo trình *New Interchange 3*. Đối với nhóm Thử nghiệm, ngoài giáo trình chính, chúng tôi cung cấp thêm 100 bản tin của chương trình VOA SE dưới dạng *Youtube* để đối tượng nghiên cứu nghe người bản xứ đọc bản tin, lặp lại theo phụ đề và sau đó tóm tắt nội dung của văn bản tin.

Nhóm Thử nghiệm được yêu cầu luyện tập ở nhà và trong mỗi buổi học chúng tôi dành một khoảng thời gian 15 phút để kiểm tra việc đọc các bản tin và tóm tắt nội dung bản tin của các em. Điểm kiểm tra được dùng thay cho điểm kiểm tra giữa kì để tạo động lực cho các em học tập nghiêm túc. Mục đích của nghiên cứu là xem hiệu quả của việc áp dụng chương trình VOA SE trong dạy kĩ năng nói của người học dựa trên cơ sở điểm trung bình của các nhóm nghiên cứu trước và sau thực nghiệm (Pre-test và Post-test). Điểm trung bình (Mean) của các nhóm nghiên cứu được tính theo công thức sau:

$$M = (S1 + S2 + \dots + S40) \div 40$$

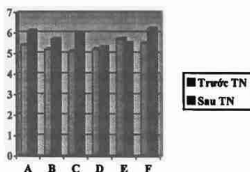
Trong đó, S1, S2,... là điểm Pre-test/ Post-test của sinh viên 1, 2,... và 40 là tổng số sinh viên tham gia trong mỗi lớp.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng một bảng khảo sát để tìm hiểu thái độ của người học đối với VOA SE, thời gian mà họ dành cho việc luyện tập với VOA SE, những điều mà họ ưa thích cũng như những khó khăn mà họ gặp phải. Dựa kết quả phân tích định lượng và định tính, chúng tôi đưa ra những đề xuất cho việc biên soạn giáo trình và chương trình phục vụ cho việc dạy và học môn Speaking hiệu quả hơn, thú vị hơn; giúp sinh viên cải thiện khả năng nói và cách phát âm để đạt được chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hiệu quả của việc dùng VOA SE trong dạy môn nói

Nhằm tìm hiểu mức độ tiến bộ về khả năng nói của sinh viên sau khi áp dụng chương trình nghiên cứu, chúng tôi dùng kết quả thi trung bình môn nói của sinh viên ở học kì 1 và xem đây là kết quả của đối tượng nghiên cứu trước khi tiến hành thử nghiệm (Pre-test). Tương tự như vậy, kết quả của môn nói ở học kì 2 được xem như là kết quả về khả năng nói của sinh viên sau khi thử nghiệm (Post-test). Kết quả trước và sau khi thử nghiệm của 6 lớp tham gia nghiên cứu (kí hiệu A, B, C, D, E, và F) được thể hiện qua Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Điểm trung bình (M) của các lớp trước và sau nghiên cứu.

Theo biểu đồ trên, chúng ta có thể thấy rằng: (1) điểm trung bình chung của tất cả các lớp đều tăng, ngoại trừ lớp E (thuộc nhóm Đối chứng), (2) mức tăng điểm trung bình của nhóm Thực nghiệm (A, B, C) cao hơn mức tăng của nhóm

Đối chứng (D, E, F); tuy nhiên mức tăng điểm trung bình này chưa thật sự khác biệt rõ nét giữa 2 nhóm. Hiện tượng trên có thể được giải thích như sau. Việc tất cả các lớp (ngoại trừ lớp E) đạt điểm trung bình chung sau thử nghiệm cao hơn trước thử nghiệm là một điều tất yếu vì đối tượng nghiên cứu đã trải qua một học kì luyện tập cùng với những kinh nghiệm học tập có được. Liên quan đến trường hợp không có sự khác biệt giữa hai nhóm nghiên cứu về mức độ tiến bộ trong kĩ năng nói trước và sau nghiên cứu, theo chúng tôi có hai khả năng xảy ra. Thứ nhất, chương trình VOA SE không thật sự hiệu quả trong việc giúp sinh viên trao dồi kĩ năng nói. Thứ hai, nội dung kiểm tra không liên quan đến chương trình VOA SE mà chỉ tập trung vào các đề tài trong giáo trình, nên có thể sinh viên không áp dụng được nhiều những gì họ học được từ chương trình cho việc thi cử. Trong khi nhóm Thực nghiệm dành khá nhiều thời gian luyện tập các bản tin (theo kết quả khảo sát mà chúng tôi có được), nhóm Đối chứng chỉ tập trung vào nội dung giáo trình. Vì vậy, có thể nói rằng nhóm Đối chứng hưởng lợi được nhiều từ giáo trình cho kiểm tra cuối kì. Tuy nhiên, theo cách lí giải này, chúng ta cũng có thể nói rằng chương trình VOA SE thật sự bổ ích vì dù cho những bất lợi kể trên, nhóm Thực nghiệm vẫn đạt mức tăng điểm trung bình cao hơn so với nhóm Đối chứng.

4.2. Thái độ của sinh viên đối với chương trình VOA SE

Nhằm phân tích thái độ của sinh viên đối với chương trình, chúng tôi dùng thang độ Likert (Likert scale) phát minh bởi nhà tâm lí học người Mỹ Rensis Likert. Đây là thang đo thái độ của người được nghiên cứu, thông thường được chia thành 5 bậc. Trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra những câu nhận xét về chương trình VOA SE và yêu cầu sinh viên (thuộc nhóm Thực nghiệm) cho biết thái độ của mình về các nhận xét này: *hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, trung tính, đồng ý, hay hoàn toàn đồng ý* (tương ứng với 1, 2, 3, 4 và 5). Kết quả khảo sát được thể hiện qua Bảng 1.

Bảng 1: Thái độ của sinh viên đối VOA SE

Nội dung	Điểm TB
- VOA SE rất bổ ích trong việc cải thiện phát âm và nói	4.7
- Tôi học được rất nhiều từ vựng từ chương trình này	4.5
- Tôi rất thích chương trình này	3.9

Kết quả trên cho thấy hầu hết sinh viên có thái độ tích cực đối với chương trình VOA SE. Sau khi phân tích định tính các câu trả lời cho các câu hỏi dạng mở, chúng tôi thu được kết quả như sau: Thứ nhất, số ít một số sinh viên không thích chương trình này là vì các em tốn khá nhiều thời gian để luyện tập. Số đông sinh viên đề xuất nên giảm số lượng 100 bản tin xuống còn 50-60; Thứ hai, chương trình VOA SE tuy hay vì tính đa dạng về nội dung nhưng không thiết thực cho các em trong thi cuối kì; chính vì vậy mà một số em chỉ luyện tập mang tính đối phó để lấy điểm giữa kì.

5. Một số đề xuất

Dựa trên kết quả nghiên cứu mà chúng tôi đã thực hiện, chúng tôi xin đề xuất một số ý kiến sau đây:

Thứ nhất, nên lồng ghép chương trình VOA SE vào chương trình thực hành tiếng năm thứ nhất để các em có điều kiện tiếp xúc với phát âm cũng như giọng nói của người bản xứ ngay từ ban đầu. Điều này, theo chúng tôi, đặc biệt cần thiết đối với các cơ sở đào tạo không có sự tham gia giảng dạy của giáo viên bản xứ.

Thứ hai, một khi đưa VOA SE vào trong chương trình giảng dạy, chúng ta nên cân nhắc về số lượng bản tin để sinh viên khỏi bị quá tải, dẫn đến việc mất hứng thú trong luyện tập. Đồng thời, nội dung kiểm tra đánh giá giữa kì và cuối kì, với một chừng mực nào đó, phải liên quan đến chương trình VOA SE để sinh viên có động lực học tập.

Thứ ba, dù rằng việc học với chương trình VOA SE bằng cách lắng nghe và lặp lại đã chứng minh có hiệu quả, song giáo viên cần phải tạo nhiều hoạt động để sinh viên có thể phát triển các kĩ năng quan trọng khác như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng phân biện, khả năng tri nhận. Những chỉ trích của Chomsky đối với

thuyết Hành vi mà chúng tôi nêu trước đây là một điều chúng ta cần suy nghĩ khi xem xét xây dựng chương trình, giáo trình cũng như phương pháp giảng dạy theo hướng ứng dụng hành vi.

Cuối cùng, dù công trình nghiên cứu này đã được thực hiện trên một cơ sở lí thuyết phù hợp, với sự kết hợp hài hòa giữa phương pháp phân tích định tính và định lượng, nhưng vẫn tồn tại một số nhược điểm trong nghiên cứu. Cụ thể, kết quả kiểm tra kĩ năng nói của sinh viên trước và sau thực nghiệm (pre-test và post-test) có thể chưa thật sự chính xác vì các kết quả này ít nhiều ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan của giáo viên tham gia kiểm tra đánh giá. Vì vậy, các công trình nghiên cứu trong tương lai nên kết hợp với phần mềm đánh giá giọng nói như *Voice recognition* để đánh giá khả năng phát âm của người học được chính xác hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Celco-Murcia, M. (1991), *Teaching English as a second or foreign language*. Boston, Massachusetts: Heinle & Heinle Publishers.
2. Chomsky, N. (1959), *Review of skinner's verbal behaviour*. *Language*, 3, 26-58.
3. Dickey, R. J. (1998), *Authentic English for modestly-skilled listeners: it's on the radio*, *Proceedings of the 1998 Korea TESOL conference* (pp. 19-26). Kyunghee University, Seoul South Korea.
4. Feez, S. (2002), *Text-based syllabus design*. Sydney: AMES
5. Halliday, M. A. K. (1985), *Spoken and written language*. Geelong: Deakin University Press.
6. John, T. & Davies, F. (1983), *Text as a vehicle for information: the classroom use of written texts in teaching reading in a foreign language*. *Reading in a foreign language* 1, 1(1), 1-19.
7. Richards, J. C & Rodgers, T. S. (2001), *Method in approaches and methods in language teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Skinner, B. F. (1957), *Verbal behavior*. New York: Appleton-Century-Crofts.
9. Skinner, B. F. (1974), *About behaviorism*. New York: Knopf.
10. Underwood, W. J. (2000), *In the news: using streaming audio internet broadcasting to improve listening skills and critical awareness*. Retrieved from http://ci.nii.ac.jp/els/110004782498.pdf?id=ART0007520719&type=pdf&lang=en&host=cinii&order_no=&ppv_type=0&lang_sw=&no=1430349424&cp